

PHÂN TÍCH KHÁI QUÁT HỆ THỐNG AN SINH XÃ HỘI HIỆN NAY

Qua các giai đoạn hình thành và phát triển, đến nay hệ thống an sinh xã hội Việt Nam đã cơ bản hoàn chỉnh theo 4 nhóm.

1. Việc làm, bảo đảm thu nhập tối thiểu và giảm nghèo

a) Việc làm được coi là nhóm giải pháp an sinh xã hội chủ động.

Đa số người lao động từ các hộ nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không có nhiều cơ hội tiếp cận được việc làm có thu nhập ổn định và điều kiện làm việc tốt. Những nguyên nhân cơ bản của tình trạng này là do trình độ học vấn thấp, kỹ năng lao động không phù hợp, sức khỏe kém, ít thông tin về thị trường lao động từ tư vấn việc làm và tư doanh nghiệp, hạn chế về năng lực đàm phán, thiếu vốn để tự sản xuất, kinh doanh. Do vậy, tạo nhiều cơ hội việc làm có thu nhập ổn định thông qua dạy nghề, vay vốn, tiếp cận thông tin thị trường lao động từ tư vấn việc làm và tư doanh nghiệp để có việc làm là giải pháp an toàn tạo thu nhập hiệu quả nhất.

Các nhóm chính sách bao gồm:

Các chiến lược, các chương trình, đề án về việc làm và dạy nghề, chương trình việc làm công (chuẩn bị nghiên cứu thí điểm). Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách thể chế thị trường lao động, tăng gắn kết cung cầu đồng thời chú trọng vào:

- Hỗ trợ lao động di chuyển: các chương trình hỗ trợ di cư đến các vùng kinh tế mới; hỗ trợ di dân thực hiện định canh định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số; Chương trình di dân gắn với xóa đói giảm nghèo...

- Chính sách tín dụng ưu đãi phát triển sản xuất, tạo việc làm, hỗ trợ học nghề cho cả doanh nghiệp và người lao động;

- Chính sách hỗ trợ người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, chính sách ưu tiên cho người nghèo, người dân tộc thiểu số thuộc các huyện nghèo, xã nghèo, thôn bản đặc biệt khó khăn.

b) Bảo đảm thu nhập tối thiểu và giảm nghèo

Việc bảo đảm thu nhập tối thiểu và giảm nghèo dự kiến được thực hiện theo hai hướng: một là, hỗ trợ hộ nghèo có sức lao động có việc làm với thu

nhập ngày càng tăng để đạt thu nhập tối thiểu, thoát nghèo, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống; hai là chuyên đối tượng, sang đối tượng trợ giúp xã hội.

Giảm nghèo được thực hiện đồng thời trên các cấp độ, người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo và huyện nghèo, Các nhóm chính sách bao gồm: Chương trình 135, Nghị quyết 30a/2008/NQ - CP, Nghị quyết 80/NQ - CP của Chính phủ và Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, hướng đến các địa bàn nghèo nhất, các xã đặc biệt khó khăn, ưu tiên người nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số thuộc huyện nghèo xã biên giới, xã an toàn khu, xã, thôn bản đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo.

2. Bảo hiểm xã hội

Trong bối cảnh tác động tiêu cực của kinh tế thị trường, biến đổi khí hậu, thiên tai, già hóa dân số,..., việc phát triển hệ thống bảo hiểm, đặc biệt bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm thất nghiệp và phát huy sự tham gia rộng rãi của người lao động là một trong những mục tiêu rất cơ bản của chính sách an sinh xã hội nhằm nâng cao tính chủ động, khả năng tự chăm lo của người dân khi xảy ra các tác động bất lợi về kinh tế, xã hội, môi trường, sức khỏe và an sinh tuổi già.

Chính sách cơ bản: Tiếp tục hoàn thiện Luật bảo hiểm xã hội theo hướng mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm, bảo đảm cân đối quỹ bảo hiểm xã hội; hoàn thiện chính sách, tổ chức quản lý và chi trả bảo hiểm xã hội; nghiên cứu xây dựng chính sách khuyến khích nông dân, người lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện,

- Bảo hiểm xã hội bắt buộc

Bảo hiểm xã hội bắt buộc gồm 5 chế độ: ốm đau, thai sản, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, hưu trí và tử tuất Đối tượng được bảo hiểm là công chức, viên chức và người lao động có hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc từ đủ 3 tháng trở lên làm việc trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thuê mướn, sử dụng và trả công cho người lao động không phân biệt quy mô lao động.

- Bảo hiểm xã hội tự nguyện

Bảo hiểm xã hội tự nguyện được triển khai từ năm 2008 với 2 chế độ hưu trí và tử tuất tạo cơ hội cho lao động không thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc được tham gia bảo hiểm xã hội để có lương hưu khi về già.

- Bảo hiểm thất nghiệp

Bảo hiểm thất nghiệp được triển khai từ năm 2009 nhằm hỗ trợ người lao động nhanh chóng tìm được việc làm với 4 chế độ: trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ học nghề, hỗ trợ tìm việc làm và bảo hiểm y tế. Đối tượng tham gia bao gồm người lao động có hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc từ đủ 12 tháng trở lên làm việc trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có quy mô từ 10 lao động trở lên.

- Nghiên cứu thí điểm chính sách bảo hiểm xã hội bổ sung đối với nhóm có thu nhập cao hơn trong một số nhóm ngành nghề nhất định nhằm tăng cường khả năng tự an sinh.

3. Trợ giúp xã hội những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn

Trong bối cảnh kinh tế biến động nhanh và khó lường, đặc biệt trong điều kiện của Việt Nam, khi hậu quả chiến tranh vẫn còn nặng nề, một bộ phận lớn người già không có bảo hiểm hưu trí, các chính sách trợ giúp xã hội có vai trò quan trọng để hỗ trợ người dân đảm bảo thu nhập tối thiểu thông qua tăng diện hưởng trợ giúp bằng tiền mặt. Từng bước phấn đấu đảm bảo cho mọi người dân có thu nhập dưới mức sống tối thiểu đều nhận được trợ giúp xã hội.

a) Trợ giúp xã hội thường xuyên

Một bộ phận dân cư vì các lý do khác nhau như tàn tật, khuyết tật, người già cô đơn, người tâm thần, trẻ em mồ côi, người nhiễm HIV... không có khả năng tạo thu nhập và tự chăm sóc. Do vậy, các chính sách trợ giúp của Nhà nước và cộng đồng đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ thu nhập tối thiểu cho người dân, góp phần ổn định cuộc sống, nâng cao năng lực phòng chống rủi ro. Hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh Xã hội đang tiến hành xây dựng mức sống tối thiểu phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội làm căn cứ xác định người thuộc diện hưởng trợ giúp xã hội. Đồng thời hoàn thiện tiêu thức và quy trình xác định người hưởng, hệ thống thông tin quản lý trợ giúp xã hội. Đổi mới hệ thống chi trả, tách bạch giữa nhiệm vụ quản lý nhà nước với hệ thống dịch vụ chi trả.

Thực hiện chăm sóc những người không tự lo được cuộc sống tại các cơ sở trợ giúp xã hội hoặc tại cộng đồng: Ngoài hệ thống cơ sở bảo trợ xã hội, mô hình chăm sóc người có hoàn cảnh đặc biệt tại cộng đồng đang được triển khai.

Sự tham gia của khu vực tư nhân vào triển khai các mô hình chăm sóc người cao tuổi, trẻ mồ côi, người khuyết tật, đặc biệt là mô hình nhà dưỡng lão đang được tiếp tục mở rộng.

- Thực hiện hỗ trợ tiền mặt cho đối tượng không có khả năng lao động: Nghị định số 13/2010/NĐ - CP ngày 27-02 2010 và Nghị định số 67/2007/NĐ - CP ngày 13-4-2007 quy định 9 nhóm đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Đối tượng và mức chuẩn trợ cấp được điều chỉnh liên tục nhằm giảm bớt khó khăn trong cuộc sống của đối tượng.

b) Trợ giúp xã hội đột xuất

Những rủi ro ất thường xảy ra ngày càng nhiều và trên diện rộng. Chi tính riêng những rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, mỗi năm có hàng trăm người bị chết, hàng nghìn ngôi nhà bị sập, đổ, trôi, khoảng 1 triệu người thiếu lương thực, Tổng thiệt hại về vật chất do thiên tai Bấy ra hằng năm là hàng nghìn tỷ đồng. Mục tiêu của Trợ giúp đột xuất là đảm bảo hỗ trợ kịp thời, hiệu quả cho người dân gặp rủi ro đột xuất (hỏa hoạn, tai nạn, thiên tai...) có thể khắc phục và vượt qua khó khăn sớm ổn định sản xuất và đời sống, đảm bảo thu nhập không bị rơi vào nghèo khổ. Ngoài chính sách trợ giúp của Chính phủ theo Nghị định số 67/2007/NĐ - CP và Nghị định số 13/2009/NĐ - CP, còn có các phong trào tương thân, tương ái, huy động cộng đồng của mọi tầng lớp nhân dân, của các tổ chức quân chủng, các doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài nhằm giúp các địa phương hỗ trợ kịp thời người dân khắc phục rủi ro đột xuất.

4. Bảo đảm mức tối thiểu một số dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân, đặc biệt là người nghèo, dân tộc thiểu số và người có hoàn cảnh khó khăn

a) Bảo đảm giáo dục tối thiểu Một trong những nguyên nhân cơ bản của nghèo đói là do người lao động không có trình độ giáo dục cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp để tìm việc làm tốt hơn. Chính phủ đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ người dân có trình độ giáo dục tối thiểu, tăng cường chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội và điều kiện cho mọi công dân được học tập suốt đời. Nhằm tăng cường sự công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục, Chính phủ đã thực hiện các chính sách miễn giảm học phí và cấp học bổng cho các nhóm

yếu thế (Nghị định số 49/2010/NĐ - CP). Ngoài ra, áp dụng nhiều chính sách riêng đối với các cấp đào tạo khác nhau.

+ Đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông: Hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn trưa, phát triển hệ thống trường nội trú để khuyến khích trẻ em, học sinh vùng dân tộc thiểu số, miền núi, con hộ nghèo và cận nghèo tiếp cận giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông.

+ Đối với giáo dục nghề nghiệp: Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nhằm tăng cường cơ hội cho các nhóm lao động yếu thế có việc làm ngày càng được chú trọng, nhất là học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, khó khăn, gia đình chính sách, lao động nông thôn.

b) Bảo đảm y tế tối thiểu ốm đau, bệnh tật là một trong những rủi ro thường gặp nhất của con người, đặc biệt là những người thuộc nhóm yếu thế (người nghèo, người dân sống ở vùng miền núi, người lớn tuổi, trẻ em, phụ nữ). Gánh nặng y tế thường quá lớn so với khả năng chi trả của người nghèo. Bên cạnh đó, việc khó tiếp cận các dịch vụ y tế cơ bản, y tế công làm tăng gánh nặng y tế của người yếu thế. Bảo hiểm y tế toàn dân đóng vai trò quan trọng để đảm bảo mức chăm sóc y tế tối thiểu cho người dân. Nhà nước đã thực hiện một loạt các chương trình mục tiêu quốc gia liên quan đến y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng như: Chương trình mục tiêu quốc gia y tế phòng chống các bệnh lây nhiễm, không lây nhiễm, tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em, y tế học đường; Chương trình mục tiêu quốc gia vệ sinh an toàn thực phẩm;

Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống HIV/AIDS. Đồng thời thực hiện nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và xã hội hóa tài chính và cung cấp dịch vụ y tế. Luật bảo hiểm y tế có hiệu lực từ ngày 01-7-2009 với mục tiêu thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân vào năm 2014, trong đó Nhà nước đảm bảo ngân sách để thực hiện các chương trình cấp thẻ bảo hiểm y tế và hỗ trợ toàn bộ, hay một phần mức đóng bảo hiểm y tế đối với trẻ em dưới 6 tuổi, người nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số, hộ gia đình làm nghề nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình trở xuống. Các doanh nghiệp, đoàn thể, các tổ chức, cá nhân đã có nhiều sáng kiến, phong trào vận động xã hội chăm sóc y tế cho người nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó

khẩn như: trợ giúp khám chữa bệnh, bữa ăn trong bệnh viện, mổ tim, mổ mắt, xe lăn, thiết bị y tế cho các bệnh viện...

c) Bảo đảm nhà ở tối thiểu: Bảo đảm nhà ở tối thiểu cho người dân cũng là một trong những yêu cầu của an sinh xã hội. Đa số người nghèo, yếu thế không có khả năng cải tạo tình trạng nhà, phải dựa vào sự hỗ trợ của Nhà nước thông qua các chính sách về đất ở, chính sách tài chính, chính sách đầu tư xây dựng. Trong thời gian qua, Nhà nước đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ nhà ở theo phương châm Nhà nước, cộng đồng và người dân cùng tham gia. Trong đó tập trung chủ yếu vào xóa nhà tạm cho hộ nghèo, hỗ trợ nhà ở cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và phát triển nhà ở cho học sinh, sinh viên tại các cơ sở đào tạo và nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp tập trung, người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị.

Theo “Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030”, diện tích nhà ở bình quân toàn quốc sẽ đạt khoảng 25 m sàn/người, tại đô thị đạt 29 m² sàn/người, tại nông thôn đạt 22 m sàn/người và phấn đấu đạt chỉ tiêu diện tích nhà ở tối thiểu 8 m sàn/người.

d) Bảo đảm nước sạch Nước sạch là yếu tố quan trọng, ảnh hưởng đến sức khỏe và văn hóa của hộ gia đình. Nâng cao sức khỏe và chất lượng sống cho người dân nông thôn thông qua cải thiện điều kiện cung cấp nước sạch là một nhiệm vụ quan trọng. Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2020 với mục tiêu tất cả dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn quốc gia. Ngoài ra còn có hàng loạt các chương trình và chính sách hỗ trợ được thực hiện trong thời gian vừa qua với hình thức hỗ trợ khá đa dạng như hỗ trợ vật tư (xi măng, bơm tay, ống dẫn nước...), hỗ trợ bằng tiền cho đào giếng, xây bể đựng nước, hỗ trợ vật dụng để chứa đựng....

e) Bảo đảm thông tin, văn hóa

Thông tin là chỉ tiêu phản ánh chất lượng cuộc sống. Đa số người nghèo không có điều kiện tiếp cận thông tin, truyền thông và phải dựa vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Chính phủ đã và tiếp tục thực hiện các chương trình thông tin nhằm rút ngắn khoảng cách về bảo đảm thông tin và hưởng thụ thông tin của người dân giữa các vùng miền, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của người dân nhất là các nhóm yếu thế, người dân khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo.

Một số loại báo, tạp chí được cấp miễn phí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn. Mạng thông tin viễn thông đã cơ bản phủ khắp cả nước. Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo đang được triển khai nhằm phủ sóng phát thanh truyền hình tới toàn quốc, phát triển các chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc.

5. Bài học kinh nghiệm và những vấn đề đặt ra

Mặc dù nguồn lực của đất nước còn hạn hẹp nhưng Đảng, Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm xây dựng và thực hiện các chính sách xã hội. Các chính sách không ngừng được bổ sung và hoàn thiện, đối tượng hưởng chính sách được mở rộng, mức hỗ trợ được nâng lên. Đầu tư của Nhà nước ngày càng tăng, nguồn lực của xã hội được huy động ngày càng nhiều để thực hiện chính sách xã hội. Nhờ vậy, các lĩnh vực xã hội đã đạt được những thành tựu quan trọng, nhất là tạo việc làm, giảm nghèo, vấn đề gia đình và bình đẳng giới ưu đãi người có công, giáo dục đào tạo, y tế, trợ giúp người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Đời sống vật chất và tinh thần của người có công, người nghèo, dân tộc thiểu số và các đối tượng yếu thế được cải thiện rõ rệt, lòng tin của nhân dân và sự ổn định chính trị - xã hội được tăng cường. Cách tiếp cận trong việc bảo đảm an sinh xã hội của Việt Nam tương thích với các khuyến cáo mới nhất của Liên hợp quốc. Nhiều chỉ tiêu về phát triển xã hội của Việt Nam tốt hơn so với bình quân chung các nước khu vực Đông Á và Thái Bình Dương.

Tuy nhiên, kết quả đạt được có mặt còn thấp, chưa bền vững, một số yếu kém kéo dài, chậm được khắc phục đáng lưu ý là: tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn lớn và giảm chậm; số người mắc bệnh lao và chết vì lao vẫn còn rất cao; tỷ lệ người nhiễm HIV/AIDS trong nhóm dân số từ 15 - 49 tuổi gia tăng; tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế ở một số đối tượng còn thấp; chênh lệch các chỉ số về an sinh xã hội giữa miền núi, vùng đồng bào dân tộc với mức ung bình của cả nước còn lớn; các thành tựu xóa đói giảm nghèo chưa bền vững; một bộ phận lớn người lao động làm việc trong khu vực phi chính thức, với việc làm và thu nhập bấp bênh. Nguồn lực cho thực hiện các chính sách xã hội còn hạn hẹp, dựa chủ yếu vào ngân sách nhà nước, chưa thu hút được nhiều sự tham gia của xã hội, mức hỗ trợ còn thấp.

Đời sống của một bộ phận người có công, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn rất khó khăn, chưa bảo đảm được mức tối thiểu các dịch vụ xã hội cơ bản.

Những hạn chế, yếu kém trên đây do những nguyên nhân chủ yếu sau:

Một là, hậu quả chiến tranh để lại rất nặng nề, phải tốn nhiều nguồn lực và thời gian để khắc phục: thiên tai xảy ra thường xuyên và gây thiệt hại lớn, mỗi năm khoảng trên 1 % GDP; trong khi Việt Nam vẫn còn nghèo, nguồn lực còn hạn hẹp.

Hai là, quản lý nhà nước trong các lĩnh vực xã hội vẫn còn nhiều bất cập, phân tán, chưa có cơ quan theo dõi, tổng hợp một cách đầy đủ về các chính sách xã hội. Chính sách còn chưa hợp lý để huy động sự tham gia nhiều hơn của người dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. Hiệu quả sử dụng nguồn lực của nhà nước và xã hội chưa cao. Chưa xây dựng được mức sống tối thiểu và cơ sở dữ liệu về hộ gia đình cấp quốc gia phục vụ cho việc xây dựng và thực hiện chính sách về an sinh xã hội và chưa có giải pháp thật sự hữu hiệu để thu hẹp khoảng cách về mức sống và an sinh xã hội giữa các vùng miền.

Ba là, việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật chưa nghiêm, Sự phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương chưa chặt chẽ; chính sách chồng chéo, nhiều đầu mối nguồn lực đầu tư còn manh mún, dàn trải; công tác thanh tra, kiểm tra chưa được coi trọng.

Thách thức trong giai đoạn tới

Xu hướng già hoá dân số nhanh hơn dự kiến đặt ra những thách thức về chi phí liên quan đến chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và chính sách an sinh xã hội, Bình quân mỗi năm có trên 600 nghìn người bước vào tuổi 60, tăng 7,5%/năm. Việc duy trì việc làm ổn định còn nhiều khó khăn, thất nghiệp có nguy cơ tăng, đến năm 2020, số người thất nghiệp dự kiến khoảng 3 % lực lượng lao động.

Tình hình giảm nghèo có xu hướng chậm lại và khó khăn hơn. Người nghèo chủ yếu tập trung trong nhóm người dân tộc, vùng núi, vùng sâu, vùng xa. Bất bình đẳng có xu hướng gia tăng. Việt Nam lại nằm trong khu vực thường xảy ra mưa, bão, lũ lụt, khí hậu toàn cầu biến đổi kèm theo hiện tượng nước biển dâng đặt ra những thách thức mới về giải quyết việc làm và an sinh xã hội.

Khủng hoảng kinh tế toàn cầu, rủi ro thiên tai, rủi ro xã hội ngày càng có quy mô lớn hơn, ảnh hưởng trên diện rộng hơn và khó lường trước, đặt ra thách thức cho hệ thống an sinh xã hội.

Từ những kết quả, hạn chế trong thực hiện chính sách đã hội thời gian qua, rút ra một số bài học kinh nghiệm sau đây:

Một là, chính sách an sinh xã hội có vai trò đặc biệt quan trọng, là mục tiêu, là động lực để phát triển nhanh và bền vững trong mọi giai đoạn phát triển. Chính sách an. sinh xã hội là một bộ phận quan trọng của chính sách xã hội và phải đặt ngang tầm với chính sách kinh tế và phải được thực hiện đồng thời với phát triển kinh tế, phù hợp với trình độ phát triển và khả năng nguồn lực trong từng thời kỳ.

Hai là, chính sách an sinh xã hội phải được thực hiện có trọng tâm trọng điểm, đặc biệt là phải đảm bảo mức sống tối thiểu và hỗ trợ kịp thời đối với những người có hoàn cảnh khó khăn.

Ba là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sức mạnh của cả hệ thống chính trị, Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đồng thời có chính sách huy động sự tích cực tham gia của người dân, toàn xã hội với truyền thống tốt đẹp, tinh thần tương thân, tương ái của dân tộc; tăng cường hợp tác quốc tế để có thêm nguồn lực và kinh nghiệm.

Bốn là, phải hoàn thiện công tác quản lý và tổ chức thực hiện. Đơn giản hóa và thu gọn đầu mối thực hiện chính sách an sinh xã hội. Tiếp tục phân cấp, tăng cường vai trò của các địa phương trong việc xây dựng và thực hiện chính sách an sinh xã hội.

Năm là, phải làm tốt công tác tuyên truyền, xây dựng chương trình hành động cụ thể, khả thi, lồng ghép mục tiêu an sinh xã hội với tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội trong mọi chính sách, mọi cấp thực hiện.

Tài liệu tham khảo

1. Luật bảo hiểm xã hội năm 2014.
2. Luật bảo hiểm y tế năm 2008

3. Nghị định số 49/2010/NĐ – CP quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 – 2015

